

SOCIAL ANXIETY DISORDER RATIO AND SOME RELATED FACTORS IN THE STUDENT OF NGUYEN KHUYEN HIGH SCHOOL, BINH PHUOC

Le Thi Diem Trinh*, Pham Tuan Cuong, Nguyen Ngoc Bich, Nguyen Duy Phong

University of Medicine and Pharmacy at HCMC

Received 02/04/2021

Revised 09/04/2021; Accepted 15/04/2021

ABSTRACT

Social anxiety disorder is a common adolescent anxiety disorder with rates ranging from 9.1% to 44% between countries around the world. In Vietnam, research on this disorder is quite limited. Social phobia affects many aspects of life, such as school, work, and increases the risk of depression and suicide in adults. However, finding treatment, the recovery rate is still quite low. So early screening for this disorder is necessary. The study conducted on 430 students participating in the study, the prevalence of phobias on the LSAS scale was 42.3%. 35.7% and 37.4% respectively. Multivariate analysis showed a statistically significant relationship between social phobia and factors such as lack of confidence in appearance, mother's occupation ($p < 0.05$). Research has given a number of recommendations for early detection and timely intervention solutions towards comprehensive health care for students.

Keywords: Social anxiety disorder, student, high school.

*Corresponding author

Email address: trinhle3092ump.edu.vn

Phone number: (+84) 972 317 041

<https://doi.org/10.52163/yhcd.v62i4.127>

TỶ LỆ MẮC ÁM ẢNH SỢ XÃ HỘI VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN KHUYẾN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Lê Thị Diễm Trinh*, Phạm Tuấn Cường, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Duy Phong

Trường Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 02 tháng 04 năm 2021

Chỉnh sửa ngày: 09 tháng 04 năm 2021; Ngày duyệt đăng: 15 tháng 04 năm 2021

TÓM TẮT

Ám ảnh sợ xã hội là một dạng rối loạn lo âu phổ biến ở lứa tuổi vị thành niên với tỷ lệ mắc dao động từ 9,1%- 44% giữa các quốc gia trên thế giới. Tại Việt Nam, nghiên cứu về rối loạn này còn khá hạn chế. Việc mắc ám ảnh sợ xã hội gây ảnh hưởng đến nhiều khía cạnh trong cuộc sống như học tập, công việc, tăng nguy cơ trầm cảm, tự tử ở người trưởng thành. Tuy nhiên việc tìm kiếm điều trị, tỷ lệ phục hồi còn khá thấp. Vì vậy việc sàng lọc sớm rối loạn này là cần thiết. Nghiên cứu tiến hành trên 430 học sinh tham gia nghiên cứu, tỷ lệ mắc ám ảnh sợ xã hội theo sàng lọc của thang đo LSAS là 42,3%. Trong đó phần lớn biểu hiện ở mức độ nhẹ và trung bình với tỷ lệ lần lượt là 35,7% và 37,4%. Phân tích đa biến cho thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa ám ảnh sợ xã hội và các yếu tố như: thiếu tự tin ngoại hình, nghề nghiệp của mẹ ($p < 0,05$). Nghiên cứu đã đưa ra một số khuyến nghị nhằm phát hiện sớm và đưa ra các giải pháp can thiệp kịp thời hướng đến chăm sóc sức khỏe toàn diện cho học sinh.

Từ khóa: Ám ảnh sợ xã hội, học sinh, trung học phổ thông.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ám ảnh sợ xã hội là một dạng rối loạn lo âu đặc trưng bởi sự lo lắng, sợ hãi quá mức trong các tình huống xã hội. Trong đó người mắc ám ảnh sợ xã hội luôn lo lắng việc họ nói hoặc làm có thể bị nhận xét, đánh giá tiêu cực từ người khác [3]. Ở Mỹ, một thống kê vào năm 2005, ám ảnh sợ xã hội là rối loạn tâm thần phổ biến thứ ba chỉ sau trầm cảm và lạm dụng rượu với tỷ lệ lưu hành 12,1%, trong đó phổ biến nhất là đối tượng học sinh với gần 27,5% mắc, nhưng chỉ có 37% số lượng

học sinh hồi phục sau khi mắc ám ảnh sợ xã hội[6]. Mắc ám ảnh sợ xã hội trong thời gian dài không chỉ ảnh hưởng đến đời sống tinh thần và sự nghiệp của các em học sinh trong tương lai mà còn làm tăng khả năng tử vong do bệnh tật gồm tự tử, bệnh tim mạch, bệnh lý tiêu hóa, rối loạn sử dụng chất và phạm tội lên gấp 1,5 lần[9].

Việc phát hiện sớm rối loạn này là thực sự cần thiết vì ám ảnh sợ xã hội là một tình trạng sức khỏe tâm thần dai dẳng thường bắt đầu ở tuổi vị thành niên sớm, ám ảnh sợ xã hội có liên quan đến hậu quả đáng kể làm suy

*Tác giả liên hệ

Email: tringle3092ump.edu.vn

Điện thoại: (+84) 972 317 041

<https://doi.org/10.52163/yhcd.v62i4.127>



yếu mức độ liên kết với xã hội, ngay khi so sánh với các rối loạn tâm thần khác. Âm ảnh sợ xã hội ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực trong cuộc sống. Đối với học sinh, sinh viên âm ảnh xã hội làm cho thành tích học tập thấp hơn và nguy cơ bỏ học cao hơn [7].

Trong ba thập kỷ qua, âm ảnh sợ xã hội đang ngày càng nhận được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu và cũng như các chuyên gia trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần bởi tính chất và mức độ nghiêm trọng của nó. Tại Việt Nam nghiên cứu về vấn đề này còn khá mới, các nghiên cứu vào năm 2019 được thực hiện trên đối tượng học sinh, sinh viên tại Hải Phòng cho thấy có 58,2% báo cáo mắc âm ảnh sợ hội [2]. Điều này đặt giả thuyết về mức độ phổ biến của nó trong cộng đồng cần có nhiều nghiên cứu hơn thực hiện để hiểu rõ về vấn đề này.

Huyện Phú Riềng là một huyện mới thành lập, điều kiện kinh tế nơi đây còn gặp nhiều khó khăn, dân cư tập trung từ nhiều vùng miền phần lớn là làm nghề nông nên các vấn đề sức khỏe tâm thần chưa được quan tâm đúng mực. Trường trung học phổ thông Nguyễn Khuyến là một trong ba trường của huyện, học sinh nơi đây đến từ nhiều xã khác nhau. Vì những lí do trên chúng tôi thực hiện nghiên cứu “Tỷ lệ mắc âm ảnh sợ xã hội và các yếu tố liên quan ở học sinh trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, tỉnh Bình Phước” nhằm cung cấp số liệu cũng như các giải pháp phòng ngừa cho rối loạn này, với hai mục tiêu nghiên cứu sau:

1. Xác định tỷ lệ mắc âm ảnh sợ xã hội ở học sinh trung học phổ thông Nguyễn Khuyến Bình Phước năm 2020
2. Xác định mối liên quan giữa âm ảnh sợ xã hội ở học sinh trung học phổ thông Nguyễn Khuyến Bình Phước năm 2020 và một số yếu tố liên quan.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Tất cả học sinh đang theo học tại trường THPT Nguyễn Khuyến huyện Phú Riềng, Bình Phước.

Thời gian nghiên cứu: 01/02/2020- 01/07/2020

Địa điểm nghiên cứu: THPT Nguyễn Khuyến huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Cắt ngang mô tả

Cỡ mẫu: Tính cỡ mẫu theo công thức ước tính cỡ mẫu theo tỷ lệ.

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: cỡ mẫu cần thiết cho nghiên cứu, đơn vị: người

α : xác suất sai lầm loại 1 ($\alpha=0,05$)

$z_{(1-\alpha/2)}$ = 1,96: trị số tính từ phân phối chuẩn với độ tin cậy 95%

d: sai số cho phép ($d = 0,05$)

$p = 0,582$ là tỷ lệ ước lượng tham khảo từ nghiên cứu của Bùi Công Sơn “thực trạng mắc và các yếu tố liên quan đến hội chứng ám ảnh sợ xã hội trên sinh viên Y Học Dự Phòng tại Đại học Y Dược Hải Phòng 2019”[2]

Nghiên cứu nhân với hệ số thiết kế là 2 vậy cỡ mẫu tính được là 748.

Do cỡ mẫu vượt quá 10%, hiệu chỉnh cỡ mẫu theo công thức:

$$n_{hc} = \frac{n \times p}{n + p} = 426$$

(với $P = 987$: là tổng số học sinh trường THPT Nguyễn Khuyến)

Vậy cỡ mẫu nghiên cứu là $n = 426$ học sinh.

2.3. Phương pháp thu thập thông tin

Kỹ thuật thu thập thông tin: Tiến hành lấy mẫu bằng phương pháp chọn mẫu cụm với đơn vị là lớp bằng phương pháp chọn ngẫu nhiên đơn dựa trên danh sách lớp của trường

2.4. Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu được sự cho phép của khoa Y tế công cộng Đại học Y dược TP.HCM và Ban Giám hiệu trường THPT Nguyễn Khuyến, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Mỗi học sinh được giải thích rõ về mục đích, nội dung và ý nghĩa của nghiên cứu, vai trò và quyền lợi khi tham gia nghiên cứu, tính bảo mật trước khi tiến hành. Sự tham gia của học sinh là hoàn toàn tự nguyện và có quyền rút khỏi nghiên cứu bất kì lúc nào.

3. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 3.1: Tỷ lệ mắc ám ảnh sợ xã hội ở học sinh (n=430)

Đặc điểm	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Ám ảnh sợ xã hội		
Có	182	42,3
Không	248	58,7
Mức độ ám ảnh sợ xã hội		
Nhẹ	65	35,7
Trung bình	68	37,4
Nặng	33	18,1
Rất nặng	16	8,9

Nghiên cứu của chúng tôi sử dụng thang đo LSAS để đánh giá tỷ lệ mắc ám ảnh sợ xã hội. Qua kết quả phân tích cho thấy có 42,3% học sinh mắc ám ảnh sợ xã hội với ngưỡng cắt ≥ 55 tại thời điểm nghiên cứu. Nghiên cứu tại Arab Saudi (2017) trên đối tượng học sinh nam tỷ lệ mắc ám ảnh sợ xã hội là (11,7%)[4]. Nghiên cứu chúng tôi cho kết quả cao hơn so với nghiên cứu này có thể do đối tượng nghiên cứu chúng tôi bao gồm mẫu giới tính cả nam và nữ, trong khi đó nghiên cứu tại Arab Saudi thực hiện trên đối tượng học sinh nam. Nhiều nghiên cứu trên thế giới đã cho thấy giới nữ có tỷ lệ

mắc cao hơn so với nam đặc biệt đối với văn hóa các quốc gia này đa phần theo đạo Hồi dẫn đến nữ giới ít có khả năng tiếp xúc các tình huống xã hội hơn. Kết quả nghiên cứu chúng tôi cao hơn so với nghiên cứu Ethiopia cho thấy tỷ lệ mắc là (27,5%)[6]. Điều này có thể giải thích do nghiên cứu tại Ethiopia có tỷ lệ học sinh đưa vào nghiên cứu chênh lệch giữa học sinh nam 60,4% cao hơn học sinh nữ với 39,6%, nghiên cứu chúng tôi không sự chênh lệch đáng kể giới tính nam và nữ. Bên cạnh đó các nghiên cứu Ethiopia đã cho thấy tỷ lệ mắc ám ảnh sợ xã hội ở học sinh nữ gấp 3,1 lần học sinh nam [6].

Bảng 3.2. Mối liên quan giữa ám ảnh sợ xã hội và đặc điểm bản thân học sinh (n=430)

Đặc điểm	Ám ảnh sợ xã hội		P	PR(KTC 95%)
	Có (%)	Không (%)		
Giới tính				
Nữ	111(48,0)	120 (52,0)	0,010	1,35 (1,07-1,69)
Nam	71 (35,7)	128 (64,3)		
Thiếu tự tin về ngoại hình				
Có	111 (48,7)	117 (51,3)	0,005	1,39 (1,10-1,74)
Không	71 (35,1)	131 (64,9)		
Mức độ quan tâm chia sẻ của cha mẹ				
Không bao giờ	8 (40,0)	12 (60,0)	0,733 0,032	1,10 (0,62-1,96) 1,30 (1,02-1,65) 1
Thỉnh thoảng	111 (47,0)	125 (53,0)		
Thường xuyên	63 (36,2)	111 (63,8)		

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa giới tính và ám ảnh sợ xã hội. Cụ thể học sinh nữ có tỷ lệ mắc ám ảnh sợ xã hội gấp 1,35 lần học sinh nam điều này đã được chứng minh nhiều nghiên cứu trên thế giới[2], [6]. Tuy nhiên sau khi đưa vào phân tích mô hình hồi quy đa biến chúng tôi không tìm thấy mối liên quan giữa giới tính và ám

ảnh sợ xã hội kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Zi-Zen Peng [8] và nghiên cứu của Nguyễn Thu Hằng [1]. Cần có nhiều nghiên cứu hơn để kiểm tra về mối liên quan này.

Yếu tố tâm lý thiếu tự tin ngoại hình có liên quan đến tỷ lệ ám ảnh sợ xã hội. Qua phân tích cho thấy những học

sinh thiếu tự tin ngoại hình có tỷ lệ mắc ám ảnh sợ xã hội gấp 1,39 lần những học sinh không thiếu tự tin về ngoại hình. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của tương đồng với nghiên cứu tại Trung Quốc[8], nghiên cứu của Bùi Công Sơn[2]. Điều này có thể giải thích do mẫu nghiên cứu chúng tôi thuộc lứa tuổi vị thành niên, đây là lứa tuổi luôn muốn khẳng định bản thân vì vậy việc cảm thấy thiếu tự tin trong ngoại hình có thể khiến các em rụt rè hơn trong các mối quan hệ.

Chúng tôi cũng không tìm thấy mối liên quan giữa mức độ quan tâm chia sẻ của cha mẹ học sinh, sự kiểm soát

quá mức của cha mẹ với ám ảnh sợ xã hội. Kết quả này khác với các nghiên cứu tại Ả Rập, Quảng Đông và nghiên cứu tại Ai Cập [5]. Tuy nhiên kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Bùi Công Sơn tại Việt Nam [2]. Điều này có thể giải thích do đặc điểm văn hóa nuôi dạy con cái khác nhau giữa các quốc gia. Bên cạnh đó chúng tôi cũng không tìm thấy mối liên quan giữa nuôi dạy con cái tiêu cực như thường xuyên la mắng con cái, la mắng con cái trước mặt người khác.

Các yếu tố còn lại không tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê.

Bảng 3.3. Mối liên quan giữa ám ảnh sợ xã hội và các đặc điểm bản thân, gia đình và các mối quan hệ tại trường theo mô hình hồi quy Poisson đa biến

Ám ảnh sợ xã hội	P_{tho}	PR_{tho} (KTC95%)	P_{hc}	PR_{hc} (KTC95%)
Thiếu tự tin về ngoại hình				
Có	0,005	1,39 (1,10-1,74)	0,008	1,37 (1,08-1,73)
Không				
Nghề nghiệp hiện tại của mẹ				
Công nhân		1		1
Nông dân	0,159	1,28 (0,91-1,79)	0,121	1,33 (0,93- 1,90)
Tự làm chủ	0,063	1,41 (0,98-2,03)	0,068	1,43 (0,97- 2,10)
Công nhân viên chức	0,550	1,20 (0,66-2,21)	0,815	1,09 (0,53- 2,28)
Nội trợ	0,043	1,65 (1,02-2,69)	0,021	1,78 (1,09- 2,90)
Tự do	0,371	0,74 (0,38-1,44)	0,242	0,66 (0,33- 1,32)
Khác	0,320	0,52 (0,14-1,89)	0,861	0,86 (0,17- 4,43)

phc: p hiệu chỉnh, PR_{hc} : PR hiệu chỉnh, KTC 95%hc: KTC 95% hiệu chỉnh

Sau khi đưa 12 yếu tố liên quan trong phân tích đơn biến có $p < 0,2$ bao gồm giới, khối lớp, xếp loại học lực học kì 1, thiếu tự tin về ngoại hình, bị chế giễu về ngoại hình, nghề nghiệp hiện tại của cha, nghề nghiệp hiện tại của mẹ, sống chung, tình trạng hôn nhân của cha mẹ, mức độ quan tâm chia sẻ của cha mẹ, tần suất la mắng của cha mẹ trước mặt người khác, kiểm soát của mẹ vào mô hình đa biến thì chỉ còn 2 lại 2 yếu tố là thiếu tự tin về ngoại hình và nghề nghiệp hiện tại của mẹ là thực sự liên quan đến ám ảnh sợ xã hội.

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa ám ảnh sợ xã hội và thiếu tự tin về ngoại hình với. Cụ thể những học sinh thiếu tự tin ngoại hình có tỷ lệ mắc ám ảnh sợ xã hội cao gấp 1,38 lần học sinh không thiếu tự tin về ngoại hình ($p=0,007$ KTC 95% 1,09-2,91). Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa ám ảnh sợ xã hội và nghề

ng nghiệp hiện tại của mẹ học sinh. So với những học sinh có mẹ làm công nhân thì những học sinh có mẹ làm nội trợ có tỷ lệ mắc ám ảnh sợ xã hội cao gấp 1,78 lần với ($p=0,021$; KTC 95%1,09- 2,91)

4. KẾT LUẬN

Tỷ lệ mắc ám ảnh sợ xã hội ($LSAS \geq 55$) chiếm 42,3% học sinh tham gia nghiên cứu, trong đó phần lớn biểu hiện ở mức độ nhẹ và trung bình với tỷ lệ lần lượt là 35,7% và 37,4%.

Học sinh thiếu tự tin về ngoại hình có tỷ lệ mắc ám ảnh sợ xã hội gấp 1,4 lần học sinh không thiếu tự tin về ngoại hình ($p=0,008$).

Học sinh có mẹ làm nghề nội trợ có tỷ lệ mắc ám ảnh sợ xã hội gấp 1,78 lần nhóm học sinh có mẹ làm công nhân ($p=0,021$).

5. KHUYẾN NGHỊ

Về phía học sinh: Để giảm bớt mức độ thiếu tự tin ngoại hình, các em cần dành một chút thời gian để chăm sóc cá nhân như tập thể dục, thể thao để có ngoại hình tốt hơn. Tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa, hoạt động trao đổi, tăng cường giao tiếp với mọi người xung quanh, có thái độ sống tích cực lạc quan, yêu đời để giảm tự ti của bản thân.

Về phía nhà trường: Cần có các hoạt động hỗ trợ, chăm sóc về sức khỏe tâm thần cho học sinh, tổ chức tư vấn tâm lý. Thường xuyên có các hoạt động trao đổi các vấn đề sức khỏe tâm thần thường gặp, nguyên nhân, hậu quả, biểu hiện và cách dự phòng. Tổ chức nhiều hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ, ngoại khóa để giúp các em học sinh dễ dàng hòa nhập.

Về phía gia đình: Các phụ huynh không nên bao bọc quá mức để cho con tự phát triển bản thân. Thường xuyên quan tâm, chia sẻ với con cái giúp các em tự tin hơn trong các mối quan hệ, khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa tại trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Hang NT, *Exploring the situation of anxiety disorder among students of Nam Dinh University of Nursing*, Master's thesis in psychology, Hanoi National University, University of Education, 2017. (in Vietnamese).

[2] Son BC, *The situation and factors related to the phobia syndrome on students of Preventive Medicine at Hai Phong University of Medicine*

and Pharmacy 2019, Graduate thesis of Preventive Medicine Doctor, 2019. (in Vietnamese).

- [3] American Psychiatric Association, *Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders (DSM-V)*, 2014.
- [4] Jaafar YG, Shamsun NK, Razia AA, Social anxiety disorder in Saudi adolescent boys: Prevalence, subtypes, and parenting style as a risk factor, *Journal of family & community medicine*, 2016; 23(1): 25-31.
- [5] Xu JH, Shiguang N, Maosheng R, The Relationship between Parenting Styles and Adolescents' Social Anxiety in Migrant Families: A Study in Guangdong, China, *Frontiers in psychology*, 2017; 8: 626-626.
- [6] Mekuria K, Mulat H, Derajew H et al., High Magnitude of Social Anxiety Disorder in School Adolescents, *Psychiatry journal*, 2017; 5643136.
- [7] Van DE, Vermulst A, The bidirectional relationships between online victimization and psychosocial problems in adolescents: a comparison with real-life victimization, *J Youth Adolesc*, 2014; 43(5): 790-802.
- [8] Peng ZW, Lawrence TL, Jing J, Factors associated with social interaction anxiety among Chinese adolescents, *East Asian Archives of Psychiatry*, 2011; 21(4): 135.
- [9] Sandra MM, Manuel M, Ole M, Increased mortality among people with anxiety disorders: total population study, *The British Journal of Psychiatry*, 2016; 209(3): 216-221.

